

Số: 676/TB-BVKVHN

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 7 năm 2023

V/v thông báo yêu cầu báo giá hoá chất
sử dụng cho các máy xét nghiệm tại Bệnh
viện ĐKKV Hồng Ngự năm 2023 – 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua hoá chất sử dụng cho các máy xét nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự năm 2023 – 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự.

Địa chỉ: đường Trần Phú, khóm An Lợi, phường An Lộc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phạm Thành Dương, phó trưởng khoa Dược.

- Số điện thoại: 0932.981.448 hoặc 0977.090.579.

- Email: thanhduongdtvn@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: đường Trần Phú, khóm An Lợi, phường An Lộc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 14 tháng 7 năm 2023 đến trước 17 giờ ngày 26 tháng 7 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hoá chất sử dụng cho các máy xét nghiệm.

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
Phần 01: Hoá chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Elite 580				
1	Elite H580 Di	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	7.000.000	ml
2	Elite H Clean		7.500	ml
3	Elite H580 Lyse 1		60.000	ml
4	Elite H580 Lyse 2		14.000	ml
5	Elite H580 Lyse 3		240.000	ml
6	Elite H5 CON L	Có hạn sử dụng trên 1 tháng, không bị tán huyết, độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp,có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị , hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu , thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	150	ml
7	Elite H5 CON N		150	ml
8	Elite H5 CON H		150	ml
Phần 02: Hoá chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học BM HEM 5 TS				
1	Hematology Analyzer Diluent	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	1.200.000	ml
2	Hematology Analyzer Lyse 1		14.400	ml
3	Hematology Analyzer Lyse 2		36.000	ml
4	BM External Cleaner	Không cần l้าง, tẩy rửa sạch thiết bị mà không ảnh hưởng thiết bị (ăn mòn, rỉ sét...)	1.800	ml
5	Control 1	Có hạn sử dụng trên 1 tháng, không bị tán huyết, độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp,có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị , hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu , thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	100	ml
6	Control 2		100	ml
7	Control 3		100	ml
Phần 03: Hoá chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Swelab				

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Lysoglobine 3D	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	540.000	ml
2	Solution Isotonique LMG		2.160.000	ml
3	Control mức 1	Có hạn sử dụng trên 1 tháng, không bị tán huyết, độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp,có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị , hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu , thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	108	ml
4	Control mức 2		108	ml
5	Control mức 3		108	ml
Phần 04: Hoá chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch CL-900i				
1	FERRITIN	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	2.160	Test
2	NT-ProBNP		5.400	Test
3	Total-hCG		3.240	Test
4	Procalcitonin		5.400	Test
5	Troponin I		5.400	Test
6	CEA		5.400	Test
7	PSA		5.400	Test
8	AFP		5.400	Test
9	TSH		5.400	Test
10	FT3		5.400	Test
11	FT4		5.400	Test
12	HBsAg		2.160	Test
13	Anti HBs		2.160	Test
14	HBeAg		1.080	Test
15	FERRITIN Calibrators	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên từ bột,có	215	ml
16	NT-ProBNP Calibrators		215	ml



STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
17	Total-hCG Calibrators	đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc), khi hóa chất, thiết bị và phương pháp đạt tiêu chuẩn kỹ ,Sau Calibrators thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	215	ml
18	Procalcitonin Calibrators		300	ml
19	Troponin I Calibrators		300	ml
20	CEA Calibrators		215	ml
21	PSA Calibrators		215	ml
22	AFP Calibrators		215	ml
23	TSH Calibrators		215	ml
24	FT3 Calibrators		215	ml
25	FT4 Calibrators		215	ml
26	HBsAg Calibrators		215	ml
27	Anti HBs Calibrators		215	ml
28	HBeAg Calibrators		215	ml
29	FERRITIN Cotrol mức bình thường	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên,nếu là bột thì không vón cục sau hoàn nguyên, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc). Khi thiết bị , hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu , thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	200	ml
30	FERRITIN Cotrol mức cao		200	ml
31	Cardiac Marker multi Control mức bình thường		200	ml
32	Cardiac Marker multi Control mức cao		200	ml
33	Total-hCG Cotrol mức bình thường		200	ml
34	Total-hCG Cotrol mức cao		200	ml
35	Procalcitonin Cotrol mức bình thường		200	ml
36	Procalcitonin Cotrol mức cao		200	ml
37	Cancer Marker Multi control mức bình thường		200	ml
38	Cancer Marker Multi control mức cao		200	ml
39	Thyroid Function Multi Control mức bình thường		250	ml
40	Thyroid Function Multi		250	ml

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
	Control mức cao			
41	HBsAg Positive Control		200	ml
42	HBsAg Negative Control		200	ml
43	Anti HBs Positive Control		200	ml
44	Anti HBs Negative Control		200	ml
45	HBeAg Positive Control		200	ml
46	HBeAg Negative Control		200	ml
47	Reaction Cuvette	Sạch, trong, không bị nhiễm thành phần tương tự chất cần tìm, thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	60.000	cái
48	Wash Buffer	Không cần lắng, tẩy rửa sạch thiết bị mà không ảnh hưởng thiết bị (ăn mòn, rỉ sét...) thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	1.800.000	ml
49	Substrate solution		12.000	ml
50	Detergent (CD 80)		20.000	ml
51	Hitergent Solution		100.000	ml
Phần 05: Hoá chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa BS-430				
1	Human assay Multi sera Level 2 (QUANTINORM)	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên,nếu là bột thì không vón cục sau hoàn nguyên, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị , hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	770	ml
2	Human assay Multi sera Level 3 (QUANTIPATH)		770	ml
3	Calibrator Serum Level 2 (AUTOCAL H)		770	ml
4	Alcohol	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	4.000	ml
5	Amylase		3.850	ml
6	Albumin		3.000	ml
7	ALT(GPT)		46.200	ml

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
8	AST(GOT)		46.200	ml
9	Billirubin TOTAL		3.000	ml
10	Billirubin DIRECT		3.000	ml
11	Calcium		5.500	ml
12	Cholesterol		7.700	ml
13	CK MB		2.200	ml
14	CK MB Calibrator		850	ml
15	Creatinine		50.050	ml
16	GGT		11.000	ml
17	Glucose		64.400	ml
18	HDL Cholesterol Direct		3.850	ml
19	HDL Control		595	ml
20	HDL Calibrator		595	ml
21	Iron		2.000	ml
22	LDL Cholesterol Direct		3.000	ml
23	LDL Calibrator		850	ml
24	LDL Control		850	ml
25	LDH Liquid		1.500	ml
26	Total Protein Serum Liquid		2.800	ml
27	Triglyceride Liquid		7.700	ml
28	Urea UV		51.800	ml
29	Uric Acid		7.700	ml
30	HbA1c		4.600	ml
31	HbA1c control Normal	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên, nếu là bột thì không vón cục sau hoàn nguyên, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị , hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	25	ml
32	HbA1c control Path		25	ml
33	HbA1c calibrator	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở	50	ml

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		nắp hoặc hoàn nguyên từ bột, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc), khi hóa chất, thiết bị và phương pháp đạt tiêu chuẩn kỹ thuật ,Sau Calibrators thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings		
34	CRP	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	2.100	ml
35	CRP Calibrattor	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên từ bột, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc), khi hóa chất, thiết bị và phương pháp đạt tiêu chuẩn kỹ thuật ,Sau Calibrators thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	21	ml
36	CRP Control low	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên, nếu là bột thì không vón cục sau hoàn nguyên, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị , hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	56	ml
37	CRP Control High	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	56	ml
38	CRP hs	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	1.000	ml
39	CRP hs Calibrattor	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên từ bột, có	100	ml

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc), khi hóa chất, thiết bị và phương pháp đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, Sau Calibrators thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings		
40	CRP hs Control low	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên, nếu là bột	400	ml
41	CRP hs Control High	thì không vón cục sau hoàn nguyên, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị, hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	400	ml
42	Alcohol Control		500	ml
43	Protein CSF	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	600	ml
44	CD80 Detergen	Không cần lắng, tẩy rửa sạch thiết bị mà không ảnh hưởng thiết bị (ăn mòn, rỉ sét...), thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	200.000	ml
45	Bóng đèn	Độ ổn định trên 3 tháng, sau khi thay bóng đèn thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	20	cái
46	Reaction cuvettes for BS 430	Sạch trong không trầy xước, tương thích với máy, thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard	300	cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		trên biểu đồ Levey-Jennings		
Phần 06: Hoá chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa ILab Aries				
1	Control Normal	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên, nếu là bột thì không vón cục sau hoàn nguyên, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị, hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	330	ml
2	Control Path		330	ml
3	Calibrator	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên từ bột, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc), khi hóa chất, thiết bị và phương pháp đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, Sau Calibrators thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	330	ml
4	Amylase	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	1.650	ml
5	ALT(GPT)		19.800	ml
6	AST(GOT)		19.800	ml
7	Cholesterol		3.300	ml
8	Creatinine		21.450	ml
9	Glucose		27.600	ml
10	HDL Cholesterol Direct		800	ml
11	HDL Control		100	ml
12	Total Protein		1.000	ml
13	Triglyceride		3.300	ml
14	Urea UV		22.200	ml
15	Uric Acid		3.300	ml
16	CRP		900	ml



STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
17	CRP Calibrattor	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên từ bột,có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc), khi hóa chất, thiết bị và phương pháp đạt tiêu chuẩn kỹ thuật,Sau Calibrators thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	9	ml
18	CRP Control low	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên,nếu là bột thì không vón cục sau hoàn nguyên, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị , hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	24	ml
19	CRP Control High	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên,nếu là bột thì không vón cục sau hoàn nguyên, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị , hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	24	ml
20	Cuvette Cleaning	Không cần lắng, tẩy rửa sạch thiết bị mà không ảnh hưởng thiết bị (ăn mòn, rỉ sét...) thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	31.000	ml
21	Probe Rinse		3.500	ml
22	Acid Cuvette Cleaner		3.500	ml
Phần 07: Hoá chất sử dụng cho máy xét nghiệm điện giải EasyLyte EXPAND				
1	Easy Lyte Na/K/Cl/Ca/Li Solutions Pack 800ml	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	100.000	Test
2	Bi-Level Quality Control Kit	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên,nếu là bột thì không vón cục sau hoàn nguyên, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị , hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui	2.520	Test

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings		
3	Daily Cleaning Solution Kit	Không cần lắng, tẩy rửa sạch thiết bị mà không ảnh hưởng thiết bị (ăn mòn, rỉ sét...) thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	2.520	Test
Phần 08: Hoá chất sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu Biobas 1000				
1	PT	Hóa chất nhận được khi thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	3.600	ml
2	APTT		3.600	ml
3	Fibrinogen		4.600	ml
4	Coagulation control Normal	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên, nếu là bột thì không vón cục sau hoàn nguyên, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc) Khi thiết bị, hóa chất, phương pháp đạt yêu cầu thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	100	ml
5	Coagulation control Path		100	ml
6	Coagulation Calibrator	Độ ổn định trên 1 tháng sau mở nắp hoặc hoàn nguyên từ bột, có đặc tính tương tự nghiệm phẩm (độ nhớt, thành phần màu sắc), khi hóa chất, thiết bị và phương pháp đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, Sau Calibrators thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	100	ml
7	Cleaning solution	Không cần lắng, tẩy rửa sạch thiết bị mà không ảnh hưởng thiết bị (ăn mòn, rỉ sét...) thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	40.000	ml
8	Cellclean solution		10.000	ml

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
9	Cuvette	Sạch trong không trầy xước, tương thích với máy, thực hiện phân tích trên máy bằng QC 3 nồng độ (cao, thấp trung bình) không vi phạm qui tắc Westgard trên biểu đồ Levey-Jennings	100.000	Cái
Tổng cộng: 08 phần				

2. Địa điểm cung cấp: Kho khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự.

- Địa chỉ: đường Trần Phú, khóm An Lợi, phường An Lộc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: từng đợt theo dự trù của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: không áp dụng.

5. Các thông tin khác: **mẫu báo giá vui lòng làm đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế.**

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang thông tin điện tử của Bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.



Trần Quang Vinh